

**Phụ lục IV**  
**QUY TRÌNH CẤP VÀ KIỂM TRA XUẤT XỨ**  
*(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2015/TT-BCT*  
*ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định thực hiện*  
*Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc)*

---

**Điều 1. C/O**

1. Hàng hóa có xuất xứ tại một nước thành viên khi nhập khẩu vào nước thành viên còn lại được hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định tại Hiệp định VKFTA nếu có C/O theo mẫu quy định tại Phụ lục V áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam và theo mẫu quy định tại Phụ lục VI áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu từ Hàn Quốc.

2. Không xét đến khoản 1 Điều này, hàng hóa có xuất xứ trong phạm vi Thông tư này trong trường hợp quy định tại Điều 4 Phụ lục này vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan mà không cần nộp C/O như đã nêu tại khoản 1 Điều này.

3. C/O do Tổ chức cấp C/O của nước thành viên xuất khẩu cấp dựa trên đơn đề nghị của nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu hoặc người được ủy quyền. C/O phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được làm trên khổ giấy in A4, phù hợp với mẫu quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không thể khai hết nhiều mặt hàng trên cùng một tờ C/O, các nước thành viên có thể sử dụng Tờ khai bổ sung C/O phù hợp với mẫu quy định tại Phụ lục VII;

b) Bao gồm 1 (một) bản gốc và 2 (hai) bản sao. Bản gốc (the original) do nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu gửi cho người nhập khẩu để nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu. Bản sao thứ hai (the duplicate) do Tổ chức cấp C/O của nước thành viên xuất khẩu lưu. Bản sao thứ ba (the triplicate) do nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu lưu;

c) Được khai bằng tiếng Anh và có thể khai một hoặc nhiều hơn một sản phẩm trong một lô hàng;

d) Được in, ký và đóng dấu bằng tay hoặc in, ký và đóng dấu dưới hình thức điện tử;

đ) Bao gồm thông tin về mô tả hàng hóa, số lượng và trọng lượng của hàng hóa phù hợp với lô hàng được xuất khẩu; và

e) Mang số tham chiếu riêng của Tổ chức cấp C/O.

4. C/O có thể được cấp trước hoặc vào thời điểm hàng lên tàu, hoặc trong thời hạn 3 ngày làm việc<sup>1</sup> kể từ ngày hàng lên tàu. Trường hợp ngoại lệ khi C/O không được cấp trước hoặc vào thời điểm hàng lên tàu, hoặc trong thời hạn 3

---

<sup>1</sup> “3 ngày làm việc” bao gồm cả ngày hàng lên tàu.

ngày làm việc kể từ ngày hàng lên tàu do vô ý sai sót hoặc có lý do xác đáng, C/O có thể được cấp sau nhưng không quá 1 năm kể từ ngày hàng lên tàu và phải mang dòng chữ “ISSUED RETROACTIVELY”.

5. Nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu hàng hóa hoặc người đại diện có giấy ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu nộp đơn đề nghị cấp C/O tại bất kỳ thời điểm nào cần chuẩn bị để nộp tất cả các chứng từ cần thiết chứng minh xuất xứ hàng hóa theo yêu cầu của Tổ chức cấp C/O nước thành viên xuất khẩu, phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và các quy định khác của Thông tư này.

6. Trong trường hợp C/O bị mất cắp, thất lạc hoặc hư hỏng, nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu có thể nộp đơn gửi Tổ chức cấp C/O đề nghị cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trên cơ sở chứng từ xuất khẩu được lưu tại Tổ chức cấp C/O và bản sao này phải mang dòng chữ “CERTIFIED TRUE COPY” tại ô số 12 của C/O. Bản sao này mang ngày cấp của bản gốc. Bản sao chứng thực được cấp trong thời gian không quá 1 năm kể từ ngày cấp C/O gốc.

7. Không được phép tẩy xóa hoặc viết đè lên trên C/O. Mọi sửa đổi được thực hiện bằng cách:

a) Gạch bỏ chỗ có lỗi và bổ sung các thông tin cần thiết. Tất cả những sửa đổi này phải được chấp thuận bởi người có thẩm quyền ký C/O và được Tổ chức cấp C/O xác nhận. Các phần còn trống được gạch chéo để tránh điền thêm; hoặc

b) Cấp một C/O mới để thay thế C/O bị cấp lỗi. Tổ chức cấp C/O ghi rõ ngày cấp của C/O bị cấp lỗi trước đó lên C/O mới.

## **Điều 2. Tổ chức cấp C/O**

1. Mỗi nước thành viên duy trì việc đăng ký, cập nhật danh sách tên và mẫu con dấu của Tổ chức cấp C/O của nước thành viên đó.

2. Mỗi nước thành viên thông báo cho nước thành viên còn lại tên và mẫu con dấu của Tổ chức cấp C/O của mình.

3. Bất kỳ thay đổi nào trong danh sách đăng ký tên và mẫu con dấu của Tổ chức cấp C/O phải được thông báo cho nước thành viên còn lại và sự thay đổi đó có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày thông báo hoặc muộn hơn sau 15 ngày như ngày đã ghi trong thông báo.

4. Tổ chức cấp C/O của mỗi nước thành viên đảm bảo rằng:

a) Mô tả hàng hóa, số lượng và trọng lượng của hàng hóa đã khai phù hợp với hàng hóa xuất khẩu; và

b) Mỗi C/O có một số tham chiếu riêng theo thứ tự do Tổ chức cấp C/O cấp.

### **Điều 3. Đề nghị cho hưởng ưu đãi thuế quan**

1. Người nhập khẩu có thể đề nghị cho hưởng ưu đãi thuế quan nếu có C/O.

2. Người nhập khẩu đề nghị cho hưởng ưu đãi đối với hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ của một nước thành viên có thể được yêu cầu:

a) Khai báo trong chứng từ nhập khẩu rằng hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa có xuất xứ;

b) Có C/O theo quy định tại Điều 1 Phụ lục này tại thời điểm khai báo đã nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này; và

c) Cung cấp theo yêu cầu của cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu C/O, các chứng từ chứng minh như hóa đơn, vận tải đơn chở suốt được cấp tại lãnh thổ nước thành viên xuất khẩu và các tài liệu khác theo luật và quy định trong nước của nước thành viên nhập khẩu.

3. C/O có giá trị trong vòng 1 năm kể từ ngày cấp.

4. Trường hợp hàng hóa có xuất xứ khi nhập khẩu vào lãnh thổ một nước thành viên nhưng người nhập khẩu không được hưởng thuế quan ưu đãi tại thời điểm nhập khẩu, người nhập khẩu trong vòng 1 năm sau ngày hàng nhập khẩu có thể đề nghị cho hưởng thuế quan ưu đãi và xin hoàn bất kỳ khoản thuế dư nào phải trả khi hàng hóa chưa được hưởng ưu đãi nếu xuất trình với nước thành viên nhập khẩu:

a) C/O; và

b) Bất kỳ chứng từ chứng minh nào khác theo yêu cầu của nước thành viên nhập khẩu.

### **Điều 4. Miễn nộp C/O**

Không yêu cầu nộp C/O nếu hàng hóa nhập khẩu có trị giá không quá 600 (sáu trăm) đô la Mỹ tính theo trị giá FOB hoặc một mức cao hơn nữa theo quy định của nước thành viên nhập khẩu, với điều kiện hàng hóa nhập khẩu đó không phải là một phần của một chuỗi các lô hàng nhập khẩu được sắp đặt nhằm trốn tránh việc tuân thủ theo pháp luật và quy định trong nước về quản lý đề nghị cho hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định VKFTA của nước thành viên đó.

### **Điều 5. Yêu cầu lưu trữ hồ sơ**

1. Để phục vụ quy trình xác minh xuất xứ, nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu đề nghị cấp C/O lưu trữ chứng từ xin cấp C/O trong thời hạn ít nhất là 5 năm kể từ ngày cấp C/O theo pháp luật và quy định của nước thành viên xuất khẩu.

2. Người nhập khẩu lưu giữ các chứng từ nhập khẩu phù hợp với pháp luật và quy định của nước thành viên nhập khẩu.

3. Đơn đề nghị cấp C/O và tất cả các chứng từ liên quan được Tổ chức cấp C/O lưu giữ trong thời hạn ít nhất là 5 năm kể từ ngày cấp.

4. Thông tin liên quan đến giá trị hiệu lực của C/O được người có thẩm quyền ký C/O, với xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ, cung cấp theo yêu cầu của nước thành viên nhập khẩu.

5. Bất kỳ thông tin nào được trao đổi giữa các nước thành viên phải được bảo mật và chỉ được dùng cho mục đích xác nhận C/O.

### **Điều 6. Xử lý các khác biệt nhỏ và lỗi nhỏ**

1. Trường hợp không có nghi ngờ về xuất xứ của hàng hoá, việc phát hiện những khác biệt nhỏ giữa C/O và các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu để làm thủ tục nhập khẩu không vì thế làm mất hiệu lực của C/O nếu những khác biệt này vẫn phù hợp với hàng hóa nhập khẩu trên thực tế.

2. Khi phát hiện ra những lỗi nhỏ trên C/O mà không làm ảnh hưởng đến xuất xứ của hàng hóa, cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu phải thông báo cho người nhập khẩu những lỗi nhỏ đó khiến C/O không được chấp nhận.

3. Người nhập khẩu nộp C/O đã được sửa lỗi phù hợp hoặc C/O mới thay thế C/O bị cấp lỗi theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Phụ lục này trong vòng 30 ngày tiếp sau ngày nhận được thư thông báo của cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu.

4. Nếu người nhập khẩu không nộp C/O đã được sửa lỗi hoặc C/O mới trong thời gian quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu có thể tiến hành xác minh theo quy định tại Điều 8 Phụ lục này.

5. Trong trường hợp một C/O có nhiều mặt hàng, vướng mắc đối với một mặt hàng không làm ảnh hưởng hoặc gây trì hoãn việc áp dụng thuế suất ưu đãi và thông quan hàng hóa đối với các mặt hàng còn lại trên C/O.

### **Điều 7. Hóa đơn do nước không phải nước thành viên phát hành**

Nước thành viên nhập khẩu không được từ chối C/O chỉ vì lý do hóa đơn được phát hành tại lãnh thổ của một nước không phải là nước thành viên Hiệp định VKFTA.

## **Điều 8. Xác minh xuất xứ**

1. Nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu Tổ chức cấp C/O<sup>2</sup> của nước thành viên xuất khẩu kiểm tra hồi tố một cách ngẫu nhiên hoặc khi có lý do nghi ngờ tính chính xác của các chứng từ hoặc tính xác thực của các thông tin liên quan đến xuất xứ thực sự của sản phẩm thuộc diện nghi ngờ hay các bộ phận nhất định của sản phẩm đó. Quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ như sau:

a) Yêu cầu kiểm tra hồi tố của nước thành viên nhập khẩu được gửi kèm với C/O liên quan, đồng thời nêu rõ lý do và bất kỳ thông tin bổ sung nào dẫn đến việc nghi ngờ tính xác thực của C/O, trừ trường hợp yêu cầu kiểm tra ngẫu nhiên.

b) Khi nhận được yêu cầu xác minh xuất xứ của cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu, Tổ chức cấp C/O của nước thành viên xuất khẩu phản hồi ngay việc nhận được yêu cầu đó qua thư điện tử hoặc dưới hình thức điện thư (fax).

c) Khi nhận được yêu cầu kiểm tra hồi tố, Tổ chức cấp C/O của nước thành viên xuất khẩu phản hồi ngay việc đã nhận được yêu cầu và cung cấp kết quả xác minh trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không nhận được trả lời, nước thành viên nhập khẩu có thể từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng hóa đang bị kiểm tra hồi tố;

d) Cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu có thể trì hoãn việc cho hưởng ưu đãi thuế quan trong khi chờ đợi kết quả xác minh. Tuy nhiên, cơ quan hải quan có thể cho phép người nhập khẩu được thông quan hàng hóa cùng với việc áp dụng các biện pháp hành chính cần thiết với điều kiện hàng hóa đó không thuộc diện cấm hoặc hạn chế nhập khẩu và không có nghi ngờ về gian lận; và

đ) Tổ chức cấp C/O nước thành viên xuất khẩu gửi ngay kết quả xác minh cho nước thành viên nhập khẩu để làm cơ sở quyết định lô hàng thuộc diện nghi ngờ có đáp ứng tiêu chí xuất xứ hay không. Toàn bộ quá trình kiểm tra hồi tố, bao gồm cả quá trình nước thành viên nhập khẩu thông báo cho Tổ chức cấp C/O nước thành viên xuất khẩu về kết quả quyết định xuất xứ của lô hàng được hoàn thành trong vòng 10 tháng. Trong quá trình tiến hành kiểm tra hồi tố, điểm d, khoản 1 Điều này được áp dụng.

2. Cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu người nhập khẩu cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến xuất xứ hàng hóa nhập khẩu theo pháp luật và quy định của nước thành viên nhập khẩu trước khi yêu cầu tiến hành kiểm tra hồi tố theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nếu nước thành viên nhập khẩu không đồng ý với kết quả kiểm tra hồi tố, trong trường hợp đặc biệt, có thể yêu cầu xác minh trực tiếp tại nước thành viên xuất khẩu.

---

<sup>2</sup> Tổ chức cấp C/O của Hàn Quốc thực hiện việc xác minh xuất xứ theo quy định tại Điều 8 là cơ quan hải quan Hàn Quốc theo pháp luật và quy định hải quan của nước này.

4. Trước khi tiến hành xác minh trực tiếp tại nước thành viên xuất khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Nước thành viên nhập khẩu đồng thời gửi văn bản thông báo về mục đích tiến hành xác minh tại nước thành viên xuất khẩu tới:

- Nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu có kho hàng, nhà xưởng nơi việc kiểm tra trực tiếp diễn ra;

- Tổ chức cấp C/O nước thành viên xuất khẩu nơi việc kiểm tra trực tiếp diễn ra;

- Cơ quan hải quan nước thành viên xuất khẩu nơi việc kiểm tra trực tiếp diễn ra; và

- Người nhập khẩu hàng hóa đang chịu sự kiểm tra trực tiếp.

b) Văn bản thông báo nêu tại điểm a, khoản 4 Điều này phải có đầy đủ các nội dung, trong đó, ngoài các nội dung khác phải có các nội dung sau:

- Tên cơ quan hải quan có thẩm quyền ra văn bản thông báo;

- Tên nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu có kho hàng, nhà xưởng nơi việc kiểm tra trực tiếp diễn ra;

- Ngày dự kiến đi kiểm tra trực tiếp;

- Phạm vi đề nghị kiểm tra trực tiếp, bao gồm dẫn chiếu mặt hàng chịu sự kiểm tra;

- Tên và chức danh cán bộ đi kiểm tra trực tiếp.

c) Nước thành viên nhập khẩu nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu về các kho hàng, nhà xưởng nơi việc kiểm tra trực tiếp diễn ra;

d) Trường hợp không nhận được văn bản chấp thuận của nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này, nước thành viên thông báo có thể từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng hóa được đề cập đến trong C/O thuộc diện phải kiểm tra trực tiếp; và

đ) Khi nhận được thông báo, Tổ chức cấp C/O có thể đề nghị trì hoãn việc kiểm tra trực tiếp và thông báo cho nước thành viên nhập khẩu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của nước thành viên nhập khẩu. Dù có trì hoãn, việc kiểm tra trực tiếp cũng được thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của nước thành viên nhập khẩu, hoặc thời hạn này có thể kéo dài lâu hơn tùy theo thỏa thuận của các nước thành viên.

5. Nước thành viên tiến hành kiểm tra trực tiếp cung cấp cho nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu có hàng hóa chịu sự kiểm tra và Tổ chức cấp C/O có liên quan quyết định bằng văn bản về việc hàng hóa thuộc diện nghi ngờ có đáp ứng tiêu chí xuất xứ hay không.

6. Việc trì hoãn cho hưởng ưu đãi thuế quan bị hủy bỏ khi quyết định bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này xác định rằng hàng hóa thuộc diện nghi ngờ đáp ứng tiêu chí xuất xứ.

7. Nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu có thể kiến nghị bằng văn bản hoặc cung cấp thêm thông tin để chứng minh hàng hóa của mình đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bằng văn bản. Nếu hàng hóa đó vẫn không chứng minh được là có xuất xứ, quyết định bằng văn bản cuối cùng được thông báo cho Tổ chức cấp C/O liên quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị hay thông tin bổ sung của nhà sản xuất hoặc người xuất khẩu.

8. Toàn bộ quá trình xác minh, bao gồm việc đi kiểm tra trực tiếp và kết quả xác định bằng văn bản về việc hàng hóa thuộc diện nghi ngờ có đáp ứng tiêu chí xuất xứ hay không theo quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện và thông báo cho Tổ chức cấp C/O liên quan trong thời hạn tối đa là 6 tháng kể từ ngày thứ nhất của lần đi kiểm tra trực tiếp đầu tiên. Trong quá trình tiến hành xác minh, điểm d, khoản 1 Điều này được áp dụng.

### **Điều 9. Từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan**

Trừ khi có quy định khác tại Thông tư này, nước thành viên nhập khẩu có thể từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan hoặc truy thu khoản tiền thuế phải nộp theo pháp luật và quy định trong nước nếu hàng hóa không đáp ứng các quy định của Hiệp định VKFTA.

### **Điều 10. Chứng từ áp dụng cho quy định vận chuyển trực tiếp**

Để thực hiện Điều 9 Phụ lục I, khi hàng hóa được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước trung gian không phải là nước thành viên xuất khẩu và nước thành viên nhập khẩu, các chứng từ sau được nộp cho cơ quan có thẩm quyền liên quan của nước thành viên nhập khẩu:

- a) Vận tải đơn chở suốt phát hành tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu;
- b) C/O;
- c) Bản sao hóa đơn thương mại của lô hàng; và
- d) Các chứng từ liên quan khác làm bằng chứng chứng minh việc đáp ứng yêu cầu của quy định vận chuyển trực tiếp tại Điều 9 Phụ lục I.

### **Điều 11. Quy định chuyển tiếp đối với hàng hóa đang vận chuyển hoặc lưu kho**

Hàng hóa có xuất xứ đang trong quá trình vận chuyển, lưu kho tạm thời trong kho ngoại quan hoặc khu phi thuế quan đặt tại mỗi nước thành viên vào

ngày Hiệp định VKFTA có hiệu lực sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan, với điều kiện nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu trong vòng 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của Hiệp định bản C/O được cấp hồi tố kèm theo các chứng từ chứng minh hàng hóa được vận chuyển trực tiếp theo quy định tại Điều 9 Phụ lục I và Điều 10 Phụ lục này.